

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HS-ST
Ngày: 30/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, ông Hoàng Văn Trách.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2016/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2016/HSST-QĐ ngày 11 tháng 7 năm 2016 và các Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa đối với bị cáo:

Đào Trọng S, sinh năm 1945. ĐKKHKT: Thôn C, xã A, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là thôn C, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương). Chỗ ở: Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 4/10. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào Trọng B và bà Hoàng Thị N (đều đã chết). Có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**** Người bị hại:***

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1949. Có mặt.

- Bà Đàm Thị H, sinh năm 1955. Có mặt.

Đều trú tại: Số 4/10B N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

**** Người làm chứng:*** Anh Đàm Văn C, sinh năm 1972.

Trú quán: xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1989, Đào Trọng S là chủ nhiệm hợp tác xã sản xuất, kinh doanh đồ gỗ Thành Công tại xã A, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là xã A, thị trấn K, tỉnh Hải Dương). Do cần tiền để mở rộng sản xuất kinh doanh nên S đặt vấn đề vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Đàm Thị H (khi đó đang cư trú tại số 1 ngõ V, phố T, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng; nay là phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Sau khi đến thăm quan xưởng sản xuất đồ gỗ của S, ông S và bà H đồng ý cho S vay tiền. Từ tháng 10/1989 đến tháng 8/1990, ông S, bà H dùng tiền tích góp và vay mượn của người khác để cho S vay với lãi suất thỏa thuận từ 12% đến 20% mỗi tháng. Việc giao nhận tiền vay được thực hiện làm nhiều lần tại nhà ông S, bà H và một số lần ở xưởng sản xuất của S; có lần viết giấy biên nhận nhưng cũng có lần không viết giấy biên nhận. Tổng số tiền cho S vay theo các giấy biên nhận bà H giao nộp cho cơ quan điều tra là 107.572.745đ. S sử dụng tiền vay vào kinh doanh đồ gỗ nhưng do làm ăn thua lỗ nên S chỉ trả được cho ông S, bà H khoảng 23.000.000đ tiền lãi. Ngày 30/8/1990, các bên lập hợp đồng kinh tế với nội dung thống nhất số tiền S nợ vợ chồng ông S, bà H là 491.000.000đ (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi). Do không có khả năng trả nợ nên đến cuối năm 1990, S bỏ trốn vào các tỉnh Miền Nam sinh sống. Ngày 08/12/1990, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Hưng đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Đào Trọng S. Ngày 15/12/2015, S có đơn xin ra đầu thú.

Quá trình điều tra: Bị cáo Đào Trọng S khai nhận đã nhiều lần vay tiền của ông S, bà H với tổng số tiền khoảng hơn 100.000.000đ để đầu tư sản xuất kinh doanh đồ gỗ. Khi nhận tiền, S có viết giấy biên nhận hoặc ký vào sổ của ông S, bà H và đã trả lãi cho ông S, bà H vài lần nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu. Sau đó hai bên có chốt nợ với nhau bằng một hợp đồng kinh tế và S chỉ nhớ áng chừng số tiền S nợ ông S, bà H khoảng 300.000.000đ bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Do việc làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên S đã bỏ trốn vào các tỉnh Miền Nam sinh sống.

Ông S, bà H khai đã đứng ra vay mượn tiền của nhiều người (hiện không nhớ cụ thể gồm những ai) để cho S vay tổng số tiền khoảng 240.000.000đ làm vốn kinh doanh. Sau đó ông bà phải thay S trả lãi cho những người cho vay tiền trong khoảng thời gian gần một năm. Ngày 30/8/1990, hai bên lập hợp đồng kinh tế với nội dung S nhờ ông bà huy động tiền vốn trong nhân dân là 491.000.000đ nhưng thực chất là chốt lại số tiền S còn nợ ông bà là 491.000.000đ gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Ông bà đề nghị S phải bồi thường số tiền 491.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 64/VKS-HS ngày 25/3/2016, VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Đào Trọng S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 158 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985.

Tại phiên tòa: Ông S, bà H xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 491.000.000đ, trong đó tiền gốc khoảng 240.000.000đ, còn lại là tiền lãi đã được bị cáo ký nhận tại hợp đồng kinh tế ngày 30/8/1990. Ông bà đề nghị Tòa án xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc bị cáo phải bồi thường cho ông bà toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 491.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Đào Trọng S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 158 BLHS năm 1985; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt Đào Trọng S từ 39 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông S, bà H số tiền 107.572.745đ.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Bị cáo không phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về hành vi của bị cáo:* Các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người bị hại tại phiên tòa đều thể hiện từ tháng 10/1989 đến tháng 8/1990, bị cáo nhiều lần vay tiền của người bị hại để sản xuất, kinh doanh đồ gỗ. Thực tế trước và sau khi cho bị cáo vay tiền, người bị hại đã đến thăm quan, kiểm tra xưởng sản xuất đồ gỗ của bị cáo và xác nhận sau khi vay được tiền, xưởng sản xuất của bị cáo đã mua thêm máy móc đưa vào sản xuất. Trong quá trình vay tiền, bị cáo đã một vài lần trả tiền lãi cho người bị hại. Đến khi không có khả năng trả nợ, bị cáo bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền đã vay của người bị hại. Theo bị cáo trình bày số tiền gốc đã vay khoảng hơn 100.000.000đ; người bị hại trình bày số tiền gốc cho bị cáo vay khoảng 240.000.000đ. Ngày 30/8/1990, hai bên chốt nợ bằng hợp đồng kinh tế với tổng số tiền cả gốc và lãi là 491.000.000đ nhưng không xác định cụ thể tiền gốc là bao nhiêu, tiền lãi là bao nhiêu. Tuy bị cáo và người bị hại khai không thống nhất về số tiền vay nhưng bị cáo xác định khi nhận tiền đều trực tiếp viết giấy biên nhận hoặc ký vào sổ theo dõi của người bị hại; bà H xác định các khoản tiền bà trực tiếp giao cho bị cáo thì bị cáo đều trực tiếp viết giấy hoặc ký nhận; ông S trình bày các khoản tiền do ông trực tiếp giao cho bị cáo thì không viết giấy tờ gì nên không xuất trình được cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Kiểm tra các giấy biên nhận do người bị hại cung cấp cho cơ quan điều tra thể hiện tổng số tiền người bị hại cho bị cáo vay là 107.572.745đ.

Tòa án đã trả hồ sơ để Viện kiểm sát xác minh, làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại nhưng không có căn cứ xác định số tiền đó là 491.000.000đ theo trình bày của người bị hại. Căn cứ giới hạn của việc xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án xét xử bị cáo và hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/1989 đến tháng 8/1990, tại số 1 ngõ V phố T, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng (nay là phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương), Đào Trọng S vay của ông Nguyễn Thanh S và bà Đàm Thị H số tiền 107.572.745đ để đầu tư kinh doanh nhưng do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên S bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối để có được tài sản của người bị hại nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như quan điểm của người bị hại. Bị cáo nhận được tài sản của người bị hại một cách hợp pháp thông qua hợp đồng vay tài sản rồi bỏ trốn với ý thức không phải thanh toán nợ cho người bị hại. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 107.572.745đ thuộc trường hợp “*chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn*” nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 158 BLHS năm 1985, nay là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS năm 2015. Ngày 25/02/2016, cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương ban hành Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ-CQCSĐT, Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 01/QĐ-CQCSĐT đối với Đào Trọng S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp. Vì vậy VKSND thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý đối với bị cáo:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo và đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và bỏ trốn trong một thời gian dài gây nhiều khó khăn cho công tác điều tra nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mới bảo đảm mục đích trừng trị và giáo dục của hình phạt. HĐXX sẽ xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và các tình tiết giảm nhẹ TNHS để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo chưa bồi thường

cho người bị hại khoản tiền nào nên cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 107.572.745đ.

[4] Về vật chứng: Các giấy biên nhận tiền và hợp đồng kinh tế do người bị hại giao nộp là vật chứng của vụ án và cũng là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục quản lý tại hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo là người trên 70 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

[6] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng đó. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Đào Trọng S là người trên 70 tuổi và đang mắc bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính với nhiễm trùng hô hấp dưới cấp; cao huyết áp vô căn (nguyên phát); hư đốt sống (thoái hóa cột sống); rối loạn chức năng tiền đình. Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Hải Dương xác minh và xác định sức khỏe của bị cáo không đảm bảo cho việc áp giải đến tham dự phiên tòa. Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án vắng mặt bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Trọng S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Đào Trọng S 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đào Trọng S phải bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh S và bà Đàm Thị H số tiền 107.572.745đ (*một trăm linh bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục quản lý tại hồ sơ vụ án các giấy biên nhận và hợp đồng kinh tế ngày 30/8/1990 (*BL 80 đến 107*).

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Trọng S.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/3/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Công an TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thuý